TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 692/2023/HNGĐ-ST Ngày 31-5-2023 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án án nhân dân quận Gò Vấp

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Quốc T; cư trú tại: A, phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân; cư trú tại: A, phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/2/2023 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là ông Thái Quốc T trình bày: Ông và bà N tự nguyện kết hôn năm 2004 và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147/2004. Sau khi chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên bất đồng quan điểm, tính cách và các vấn đề kinh tế chung của gia đình. Ông T hai lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 12/2015 và tháng 4/2016. Do mong muốn được tự hàn gắn mâu thuẫn, ông T đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, đôi bên tiếp tục mâu thuẫn, xung đột gia đình ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên ông T làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Thái Nguyễn Hoàng D; Sinh ngày: 17/12/2004 (đã thành niên) và Thái Nguyễn Phương N; Sinh ngày: 09/10/2007. Ông T đồng ý giao trẻ Thái Nguyễn Phương N sinh ngày 09/10/2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông T yêu cầu ly hôn với bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên toà vào ngày 11/5/2023 và ngày 31/5/2023 nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành phiên toà theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 147/2004 do Uỷ ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2004 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi nhận lời khai và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nguyên đơn đã 02 lần yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ly hôn. Nguyên đơn mong muốn tự hàn gắn mâu thuẫn nên đã tự nguyện rút đơn và Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành 02 Quyết định đình chỉ số 68/2016/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2016 và Quyết định đình chỉ số 618/2016/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2016. Sau khi rút đơn, đôi bên tiếp tục mâu thuẫn, xung đột gia đình ngày càng trầm trọng.

Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T cương quyết yêu cầu ly hôn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện, bà N thờ ơ, không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu ly hôn với bà N là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào văn bản lập ngày 15/4/2023, trẻ Thái Nguyễn Phương N sinh ngày 09/10/2007 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Ông T tôn trọng nguyên vọng của trẻ và đồng ý giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung. HĐXX quyết định giao trẻ Thái Nguyễn Phương N sinh ngày 09/10/2007 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Thái Quốc T:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Quốc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 147/2004 do Uỷ ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2004 hết hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Thái Nguyễn Phương N sinh ngày 09/10/2007 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng lần lượt cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Ông T phải thi hành ngay theo quy định của khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng. Ông T phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012749 ngày 24/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông T còn phải nộp án phí là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- THA DS Q.Gò Vấp;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Linh